|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Sư phạm** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Cao đẳng** | **Ngành: Giáo dục Mầm non** | **Mã số: 51140201** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần:**  **Giáo dục học mầm non 1** | **1.2. Tên tiếng Anh:**  Preschool education |
| **1.3. Mã học phần:** | **1.4. Số tín chỉ:** 02 |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 21 tiết |
| - Thực hành: | 10 tiết (5x2) |
| - Bài tập: | 04 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Xuân Hương |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Diễm Hằng  ThS.GVC. Nguyễn Thị Thùy Vân  ThS. GVC.Hoàng Thị Tường Vi |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Tâm lý học trẻ em |
| - Học phần học trước: |  |
| - Học phần song hành: |  |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp những kiến thức lý luận chung về giáo dục học mầm non, các nhiệm vụ giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non, hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ. Trên cơ sở đó có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào công tác chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ lứa tuổi nhà trẻ ở trường mầm non.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận chung của giáo dục mầm non; các nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ; tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ ở trường mầm non

.**2.2.2. Về kỹ năng**

Có khả năng vận dụng tri thức đã học vào công tác chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ lứa tuổi nhà trẻ ở trường mầm non.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành, bồi dưỡng lòng yêu trẻ, yêu nghề và luôn có ý thức phấn đấu trong học tập và rèn luyện để hoàn thiện nhân cách của người giáo viên mầm non.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Xác định đúng đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non, mối quan hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác; Hiểu được một số tư tưởng quan niệm về vấn đề giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non và trình bày được những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam |
| CLO2 | Trình bày và phân tích được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp của các mặt giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ |
| CLO3 | Trình bày và phân tích được những hình thái tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ |
| CLO4 | Vân dụng kiến thức đã học để tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ |
| CLO5 | Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ |
| CLO6 | Luôn có ý thức tự học tập và tự rèn luyện nhận để nâng cao trình độ chuyên môn; Luôn yêu nghề, yêu trẻ, trau dồi các phẩm chất của người giáo viên mầm non. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| CLO 1 | R | R | R | R | R | R | R | R | R | R |
| CLO 2 | M | M | M | M | M | M | R | R | M | M |
| CLO 3 | M | M | M | M | M | M | R | R | M | M |
| CLO 4 | M | M | M | M | M | M | R | R | M | M |
| CLO 5 | M | M | M | M | M | M | R | R | M | M |
| CLO 6 | M | M | M | M | M | M | R | R | M | M |
| Tổng hợp học phần | M | M | M | M | M | M | R | R | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá toàn bộ quá trình  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Tham gia đầy đủ, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Tuần 8: Chương 1  Chương 2 | 50% | X | CLO 2  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Tự luận, bài tập và thực hành |
| A2.2. Tuần 15: Chương 3 | 50% | CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 65% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Chương 1. Những vấn đề chung về Giáo dục học mầm non  Chương 2. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ  Chương 3. Những hình thái tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nàh trẻ | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Tự luận, vấn đáp, vấn đáp - thực hành, tiểu luận, trắc nghiệm - tự luận |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/ b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liênquan đến CĐR** | PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài  đánh giá  (cột 3 bảng 3) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1. Những vấn đề chung về Giáo dục học mầm non**  1.1. Đối tượng của giáo dục học mầm non  1.2. Nhiệm vụ của giáo dục học mầm non  1.3. Mối liên hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác  1.4. Hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non | 2LT | - Xác định đúng đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non, mối quan hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác | CLO1  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV... |  |
| 2 | **Chương 1 (tiếp)**  1.5. Một số tư tưởng và quan niệm về vấn đề giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non  1.6. Những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam | 2LT | - Hiểu được một số tư tưởng quan niệm về vấn đề giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non  - Trình bày được những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam | CLO1  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV... |  |
| 3 | **Chương 1(tiếp)**  1.6. Những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam (tiếp)  **Chương 2. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ**  2.1. Giáo dục thể chất | 2LT | - Trình bày được những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam  - Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ và phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | CLO1CLO2  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi GV ... |  |
| 4 | **Chương 2. (tiếp)**  2.1. Giáo dục thể chất (tiếp) | 1LT+  1BT | - Phân tích được nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | CLO2  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và làm bài tập  - Bài tập: Đánh giá thực trạng giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ |  |
| 5 | **Chương 2.(tiếp)**  2.2. Giáo dục trí tuệ | 1LT+  1BT | - Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ và phương tiện giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ  - Phân tích được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | CLO2  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và làm bài tập  - Bài tập: Đánh giá thực trạng giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ |  |
| 6 | **Chương 2.(tiếp)**  2.3. Giáo dục đạo đức | 1LT+  1BT | - Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ, điều kiện phương tiện giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ  - Phân tích được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | CLO2  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GVvà làm bài tập  - Bài tập: Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ |  |
| 7 | **Chương 2 (tiếp)**  2.4. Giáo dục thẩm mĩ | 2LT | - Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ và phương tiện giáo dục thẩm mĩ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ  - Phân tích được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục thẩm mĩ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | CLO2  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV... |  |
| 8 | **Chương 2.**  **( tiếp)**  **Chương 3. Những hình thái tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ**  3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | 1BT  +  1LT | - Trình bày được nguyên tắc tổ chức chế độ SHNH cho trẻ | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập và kiểm tra  - Bài tập: Đánh giá thực trạng giáo dục thẩm mĩ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | A2.1 |
| 9 | **Chương 3 (tiếp)**  3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ (tiếp) | 2LT | - Phân tích được nội dung tổ chức CĐSHHN cho trẻ | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV... |  |
| 10 | **Chương 3 (tiếp)**  3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ  - Thực hành: Xây dựng kế hoạch chi tiết chế độ SHHN cho trẻ theo độ tuổi | 1LT+  1TH | Trình bày được đặc thù của việc tổ chức CĐSHH độ cho trẻ theo các độ tuổi khác nhau | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, thực hành theo hướng dẫn |  |
| 11 | **Chương 3. (tiếp)**  3.2. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | 2LT | Trình bày được nội dung tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV... |  |
| 12 | **Chương 3 (tiếp)**  3.2. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ (tiếp)  - Thực hành: Thiết kế và thể hiện một giờ chơi tập nhằm phát phát triển ngôn ngữ cho trẻ | 1TH  +  1LT | Thực hiện được kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và thực hành theo hướng dẫn |  |
| 13 | **Chương 3 (tiếp)**  3.3. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ | 2LT | Phân tích được ý nghĩa, đặc điểm và phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ  - Phân tích các hình , yêu cầu thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và thực hành theo hướng dẫn |  |
| 14 | **Chương 3 (tiếp)**  3.3. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ  - Thực hành: Thiết kế và thể hiện một hoạt động chơi tập có chủ đích cho trẻ năm đầu và năm thứ hai | 1LT+  1TH | - Trình bày và vận dụng được việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ trong năm đầu và năm thứ hai | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV và thực hành theo hướng dẫn |  |
| 15 | **Chương 3 (tiếp)**  3.3. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ (tiếp)  Thực hành:  Thiết kế và thể hiện một hoạt động chơi tập có chủ đích cho trẻ năm ba và nhóm trẻ không cùng độ tuổi | 2TH | Trình bày và vận dụng được việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ trong năm đầu và năm ba và nhóm trẻ không cùng độ tuổi | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận ...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, thưc hành theo hướng dẫn, ôn tập và kiểm tra | A2.2 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kỳ |  |  | CLO1CLO2  CLO3CLO4  CLO5  CLO6 | - | Làm bài kiểm tra | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Trịnh Dân, Đinh Văn Vang | 2012 | Giáo trình Giáo dục học trẻ em (Tập 1), | NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. |
| 2 | Nguyễn Thị Xuân Hương | 2021 | Bài giảng *Giáo dục học mầm non 1* | Lưu hành nội bộ  Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Nguyễn Thị Hòa | 2009 | Giáo dục học trẻ em (Tập 2) | NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. |
| 4 | Đinh Văn Vang | 2008 | Giáo dục học mầm non | NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. |
| 5 | Bộ Giáo dục & Đào tạo | 2009 | Chương trình giáo dục mầm non | NXB Giáo dục Việt Nam |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 1, 2, 3 |
|  |  |  |  |  |

**9. Rubric đánh giá:**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Chuyên  cần | Không đi học  (<30%). | Đi học không chuyên cần  (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%). | **50%** |
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước). | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót  . | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Trình bày đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**Rubric 3: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **TS. Dương Thị Ánh Tuyết** | **Phó Trưởng bộ môn**  **ThS. Hoàng Thị Tường Vi** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Xuân Hương** |